TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/LĐ–ST
Ngày: 24-3-2026
V/v: Tranh chấp tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thế Thị Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Xuân Tạo – Cán bộ hưu trí
2. Bà Nguyễn Thị Thắm – Cán bộ hưu trí, nguyên Chủ tịch Công đoàn cơ sở Trung tâm y tế huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 18 – thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 58/2025/TLST-LĐ ngày 26 tháng 12 năm 2025, về việc: "Tranh chấp tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2026/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đặng Thành L, sinh năm 1994
Địa chỉ thường trú: Khu phố M, thị trấn P, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk)
Địa chỉ nơi ở: Tổ F, khu phố A, phường B, thành phố Hồ Chí Minh – có yêu cầu vắng mặt.
- *Bị đơn:* Công ty TNHH B1
Địa chỉ: Số G, đường số H, khu dân cư P, khu phố I, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, thành phố Hồ Chí Minh).
Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Hoài Đ, sinh năm 1980, chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc – có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/4/2025, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 04/12/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Đặng Thành L trình bày:

Ông L và Công ty TNHH B1 (gọi tắt Công ty) ký hợp đồng lao động vào ngày 01/4/2024, ông L làm việc tại Công ty với vị trí là nhân viên kinh doanh, mức lương căn bản là 8.000.000 đồng/tháng, phụ cấp theo doanh số, tổng tiền lương và phụ cấp lĩnh hàng tháng khoảng từ 14.000.000 đồng đến 19.000.000 đồng, tùy theo doanh số bán hàng.

Đến cuối tháng 11/2024, ông L và Công ty có thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động, ông L nghỉ việc tại Công ty. Việc chấm dứt hợp đồng lao động hai bên thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản. Ngày 02/12/2024 Công ty B1 có xác nhận số tiền lương chậm trả cho ông L thể hiện tại "Bảng xác nhận lương chậm trả cho nhân viên". Theo Bảng xác nhận này thì Công ty B1 còn nợ ông L 47.258.923 đồng tiền lương và 5.600.000 đồng tiền hoàn trả bảo hiểm từ tháng 4 đến tháng 11/2024. Công ty cam kết thanh toán hết cho ông L số tiền trên đến cuối tháng 4/2025.

Từ tháng 12/2024 đến tháng 4/2025, Công ty chỉ thanh toán cho ông L số tiền lương là 7.500.000 đồng, tiền lương còn lại 34.758.923 đồng và 5.600.000 đồng hoàn trả tiền bảo hiểm thì Công ty không thanh toán cho ông L.

Do đó, ông L khởi kiện Công ty B1 yêu cầu Công ty phải thanh toán cho ông L số tiền lương còn nợ là 34.758.923 đồng.

Theo đơn kiện bổ sung ngày 04/12/2024 ông L yêu cầu Công ty phải thanh toán cho ông L tiền lương 46.067.000 đồng và tiền bảo hiểm xã hội là 5.600.000 đồng. Nay ông L xin rút lại yêu cầu đối với số tiền bảo hiểm xã hội là 5.600.000 đồng và số tiền lương là 11.308.077 đồng. Ông L chỉ yêu cầu Công ty B1 phải thanh toán cho ông L số tiền lương 34.758.923 đồng.

Số tiền 34.758.923 đồng ông L yêu cầu Công ty phải thanh toán là tiền lương chứ không phải tiền hoa hồng. Công ty cố ý không thanh toán tiền lương cho ông L với lý do ông L vi phạm nội quy Công ty. Ông L không vi phạm nội quy Công ty, chính Công ty đã xác nhận nợ tiền lương của ông L thể hiện tại Bảng xác nhận ngày 02/12/2024 và đã thanh toán cho ông L 7.500.000 đồng, còn 34.758.923 đồng thì không chịu thanh toán.

Ông L yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHB1 bao bì giấy H.D là ông Nguyễn Hoài Đ trình bày:

Công ty TNHH B1 giấy H.Đ có ký hợp đồng lao động với ông L. Công ty đã trả cho ông L số tiền hoa hồng chỉ còn nợ lại số tiền 34.758.923 đồng, còn tiền bảo hiểm xã hội thì Công ty có trách nhiệm đóng tiền cho bảo hiểm xã hội cho ông L nên không thể chi trả cho ông L được.

Công ty trả lương và hoa hồng cho ông L bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng MB số tài khoản 1400145799009 (chủ tài khoản Nguyễn Hoài Đ) và số tài khoản ngân hàng HD số tài khoản 010704070026110 (chủ tài khoản Nguyễn Hoài Đ) và số tài khoản ngân hàng H1 (chủ tài khoản công ty B1) đến số tài khoản ngân hàng V của ông L số tài khoản 0501000123628.

Trong "bảng xác nhận lương chậm trả cho nhân viên ngày 02/12/2024" Công ty lại xác nhận còn nợ ông L số tiền lương là 47.258.923 đồng và tiền bảo

hiểm xã hội 5.000.000 đồng là tiền hoa hồng chứ không phải tiền lương nên Công ty xác nhận như vậy.

Tuy nhiên, ông L đã vi phạm nội dung công ty, vi phạm ở mục trách nhiệm vật chất của nội quy lao động của Công ty. Cụ thể, ông L đã vi phạm ở gạch đầu dòng thứ 4 của trách nhiệm vật chất "Đối với bộ phận có liên quan…trước đó 12 tháng"

Sau khi ông L và Công ty T chấm dứt Hợp đồng lao động vào cuối tháng 11/2024 thì công ty có chốt lại số tiền Công ty còn nợ ông L theo Bảng xác nhận lương chậm trả cho nhân viên ngày 02/12/2024.

Sau khi nghỉ việc tại Công ty thì ông L đã có hành vi tiết lộ thông tin khách hàng, lôi kéo khách hàng… làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến Công ty. Ngoài ra, ông L còn đăng tin bôi nhọ công ty lên mạng xã hội về việc thanh toán tiền lương của Công ty được Công ty in ra từ tài khoản facebook chủ tài khoản là ông L. Công ty đã phải nhờ Công an can thiệp thì ông L mới ngừng đăng tin bôi nhọ nên Công ty B1 chưa đóng bảo hiểm xã hội cho ông L. Công ty B1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông L.

Do bận nhiều công việc nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Nguyễn Đặng Thành L và người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHB1 bao bì giấy H.D là ông Nguyễn Hoài Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn ông L khởi kiện bị đơn Công ty TNHB1 bao bì giấy H.D về việc "Tranh chấp tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội". Ông L hiện đang cư trú tại phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào hợp đồng lao động số 01042024 ngày 01/4/2024 được ký kết giữa ông Nguyễn Đặng Thành L và Công ty TNHH B1 thể hiện hai bên đã xác lập quan hệ lao động, loại hợp đồng lao động có thời hạn 12 tháng, công việc là

nhân viên, thực hiện nhiệm vụ: Tìm kiếm khách hàng, lên đơn hàng, điều xe giao hàng, với mức lương cơ bản là 8.000.000đồng/tháng; phụ cấp theo doanh số. Xét hợp đồng nêu trên được hai bên tự nguyện ký kết, tuân thủ quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ lao động.

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất cuối tháng 11/2024 hai bên đã thỏa thuận bằng lời nói về việc chấm dứt hợp đồng lao động.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH B1 giấy H.D là ông Nguyễn Hoài Đ cho rằng hiện nay Công ty chỉ còn nợ ông L số tiền 34.758.923 đồng, đây là tiền hoa hồng chứ không phải tiền lương; còn tiền bảo hiểm xã hội thì Công ty có trách nhiệm đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông L nên không thể chi trả cho ông L được. Đối với B xác nhận lương chậm trả cho nhân viên ngày 02/12/2024, Công ty xác nhận còn nợ ông L số tiền lương là 47.258.923 đồng và tiền bảo hiểm xã hội 5.000.000 đồng là tiền hoa hồng chứ không phải tiền lương nên Công ty mới xác nhận như vậy.

Tuy nhiên theo bảng xác nhận lương chậm trả cho nhân viên ngày 02/12/2024 ký kết giữa ông L và Công ty TNHH B1 giấy H.D có nội dung "xác nhận điều khoản thanh toán chậm lương cho nhân viên Nguyễn Thành L...số tiền còn nợ lại chưa thanh toán được vì lý do kinh tế khó khăn là 47.258.923 đồng...; điều khoản 1: thanh toán tạm ứng trước cho nhân viên 10.000.000 đồng vào ngày 03/12/2025; điều khoản 2: tiền hoàn trả bảo hiểm từ t05-t11/2024 là 5.600.000; điều khoản 3: số tiền còn lại tổng là 42.858.923 sẽ thanh toán trong thời hạn từ t11-2024 đến cuối tháng 04-2025".

Do đó có cơ sở khẳng định Công ty TNHH B1 giấy H.D đã không thanh toán tiền lương cho ông L, vi phạm Điều 5 của Hợp đồng lao động đã ký kết và không tuân thủ theo Điều 95 của Bộ luật Lao động.

Công ty TNHH B1 giấy H thừa nhận còn nợ ông L số tiền 34.758.923 đồng, nên buộc Công ty TNHH B1 giấy H.D thanh toán cho ông L là có cơ sở chấp nhận.

Ông L xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền bảo hiểm xã hội là 5.600.000 đồng và tiền lương là 11.308.077 đồng. Việc rút yêu cầu này của ông L là hoàn toàn tự nguyện nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH B1 phải chịu án phí đối với phần yêu cầu của ông L được Toà án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 244, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 34, 48, 95 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đặng Thành L về việc "Tranh chấp tiền lương" với bị đơn Công ty TNHB1 bao bì giấy H.D.

Buộc Công ty TNHB1 bao bì giấy H.D thanh toán cho ông Nguyễn Đặng Thành L số tiền lương là 34.758.923 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án nộp đơn yêu cầu tại cơ quan thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đặng Thành L về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHB1 bao bì giấy H.D phải thanh toán số tiền bảo hiểm xã hội là 5.600.000 đồng và tiền lương là 11.308.077 đồng.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Công ty TNHH B1 phải nộp 1.042.767 đồng (một triệu, không trăm bốn mươi hai nghìn, bảy trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020).

Nơi nhận:
- TAND Tp Hồ Chí Mnh;
- VKSND Tp Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 18 – Tp Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, TA (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thế Thị Ngọc Anh